

Phân NPK

Ngành sản xuất phân bón là ngành kinh tế quan trọng, cung cấp đầu vào cho sản xuất nông nghiệp. Theo Tổng cục thống kê, tổng sản lượng phân NPK năm 2010 đạt 2,65 triệu tấn, tăng trung bình 4,55%/năm giai đoạn 2011-2015, đạt 3,3 triệu tấn năm 2015. Tốc độ tăng về sản lượng phân NPK chậm lại giai đoạn 2016-2020, ở mức 1,3%/năm, đạt 3,52 triệu tấn năm 2020, do tác động của COVID và tốc độ phục hồi nên kinh tế chậm, cạnh tranh với phân bón nhập khẩu. Tuy nhiên, từ sau năm 2025, phân NPK được dự báo sẽ tăng trưởng do xu hướng sử dụng sản phẩm NPK chất lượng cao đang được ưa chuộng và đem lại lợi ích cho người dân, ít sản phẩm thay thế, cơ hội từ các hiệp định thương mại. Giả định sản lượng phân NPK trong nghiên cứu này như sau: đạt 4,2 triệu tấn năm 2030, 5,0 triệu tấn năm 2040 và 5,53 triệu tấn năm 2050.

Về tiêu thụ năng lượng, ngành sản xuất NPK cũng là ngành sử dụng nhiều năng lượng, trung bình 32 kWh điện và 732 MJ nhiệt/tấn sản phẩm. Ngày 16 tháng 1 năm 2014, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 02/2014/TT-BCT để quy định các biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các ngành công nghiệp, bao gồm ngành sản xuất phân bón NPK. Theo đó, mức tiêu hao năng lượng cho ngành NPK được chia theo công suất thiết kế: dưới 4000 tấn/năm, từ 5000-9000 tấn và trên 9000 tấn với mức sử dụng năng lượng quy định đối với các cơ sở có công suất nhỏ thấp nhất.



Hình: Nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền, Photo © dangcongsan.vn

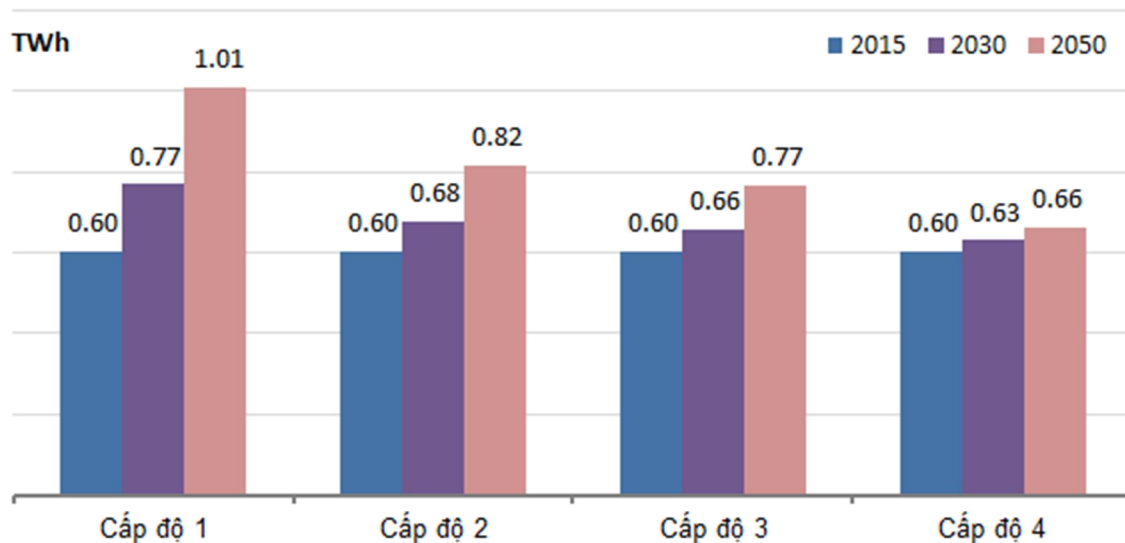
Cấp độ 1: Phù hợp với cách tiếp cận của trong báo cáo NDC, cấp độ này giả định không có nỗ lực nào về việc nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng. Thông tư quy định về mức tiêu hao năng lượng là nỗ lực quốc gia và được xem xét ở các cấp độ sau. Theo đó, tổng tiêu thụ năng lượng sẽ tăng từ 0,6 TWh năm 2015 lên 0,77 TWh năm 2030 và đạt 1,01 TWh năm 2050, tương ứng với mức phát thải không bao gồm từ sử dụng điện là 0,12 triệu tấn, 0,17 triệu tấn và 0,21 triệu tấn

Cấp độ 2: giả định mặc dù có thông tư quy định về mức tiêu hao năng lượng nhưng do thiếu chế tài thực hiện, việc áp dụng chỉ mang tính khuyến khích nên không đạt được mục tiêu đề ra. Việc triển khai còn hạn chế, chỉ ở các doanh nghiệp có tiềm lực lớn và đối với các doanh nghiệp nhỏ chỉ triển khai được các giải pháp cần ít vốn đầu tư và có thời gian thu hồi vốn ngắn. Các giải pháp tiềm năng được liệt kê ở trong

Thông tư. Kết quả của nỗ lực này là năm 2030, tiêu thụ năng lượng giảm 12% năm 2030 và giảm 19,1% năm 2050, dẫn tới mức giảm phát thải khí nhà kính tương ứng, chưa bao gồm phát thải từ thay đổi, nâng cao hiệu quả sử dụng điện là 15,38% và 27,8%.

Cấp độ 3: giả định đạt được mức tiêu hao năng lượng như quy định của Thông tư. So với cấp độ 1, ở cấp độ này tiêu thụ năng lượng năm 2030 và 2050 sẽ giảm lần lượt là 14,4% và 24,0% và phát thải khí nhà kính giảm (chưa bao gồm phát thải từ thay đổi, nâng cao hiệu quả sử dụng điện) là 34% và 58%.

Cấp độ 4: thể hiện một nỗ lực cao nhất. Theo đó, mức tiêu hao cho năm 2025 và năm 2030 đạt được cao hơn mức theo quy định của Thông tư. Tới năm 2050, mức tiêu hao đạt được tương đương nhóm 25% công suất có hiệu suất sử dụng năng lượng tốt nhất, tiệm cận mức tiên tiến trên thế giới. Nỗ lực này dẫn đến kết quả là tiêu thụ năng lượng năm 2030 và 2050 sẽ giảm lần lượt là 18,1% và 34,6% và phát thải khí nhà kính giảm (chưa bao gồm phát thải từ thay đổi, nâng cao hiệu quả sử dụng điện) là 44,9% và 75,1%.



Hình 1: Nhu cầu năng lượng cho các mốc năm 2015, 2030 và 2050 ứng với mỗi cấp độ